

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

VŨ THỊ THỦY

**BƯỚC ĐẦU NGHIÊN CỨU TRƯỜNG TỪ VỰNG
CHỈ TÌNH CẢM, THÁI ĐỘ TRONG *THỜI XA VẮNG***

LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ HỌC

Thái Nguyên, 2011

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

VŨ THỊ THỦY

**BƯỚC ĐẦU NGHIÊN CỨU TRƯỜNG TỪ VỰNG
CHỈ TÌNH CẢM, THÁI ĐỘ TRONG *THỜI XA VẮNG***

**Chuyên ngành: Ngôn ngữ học
Mã số: 60.22.01**

LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. ĐỖ VIỆT HÙNG

Thái Nguyên, 2011

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu khảo sát, điều tra, kết luận trong đề tài là trung thực và chưa từng công bố ở bất kì công trình nào khác.

Tác giả

Vũ Thị Thủy

LỜI CẢM ƠN

Luận văn này được hoàn thành dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Đỗ Việt Hùng. Em xin gửi đến thầy lòng biết ơn chân thành và lời cảm ơn sâu sắc nhất.

Luận văn là kết quả của một quá trình học tập. Tác giả xin gửi lời cảm ơn đến những Thầy Cô đã giảng dạy các chuyên đề cao học cho lớp Ngôn ngữ khóa 2009 - 2011 ĐHSP Thái Nguyên.

Mặc dù tác giả đã rất cố gắng nhưng chắc chắn luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý của quý Thầy Cô và bạn bè đồng nghiệp, những người quan tâm đến đề tài này.

Thái Nguyên, tháng 08 năm 2011

Tác giả

Vũ Thị Thủy

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử vấn đề.....	3
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	6
4.1. Đối tượng nghiên cứu.....	6
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	6
5. Phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Ý nghĩa và đóng góp của luận văn.....	6
6.1. Ý nghĩa lý luận.....	6
6.2. Ý nghĩa thực tiễn.....	6
7. Cấu trúc luận văn.....	7
NỘI DUNG	
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN	8
1.1. Vài nét về tác giả Lê Lưu và tác phẩm “ <i>Thời xa vắng</i> ”.....	8
1.2. Các khái niệm cơ sở.....	9
1.2.1. Từ và từ tiếng Việt.....	9
1.2.1.1. Khái niệm.....	9
1.2.1.2. Đặc điểm.....	12
1.2.2. Sự kết hợp từ.....	14
1.2.3. Nét nghĩa.....	17
1.2.4. Cụm từ.....	20
1.2.5 Trường nghĩa.....	22
1.2.5.1. Trường nghĩa biểu vật.....	23
1.2.5.2. Trường nghĩa biểu niệm.....	24
1.2.5.3. Trường nghĩa liên tưởng.....	25
1.2.5.4. Hiện tượng chuyển trường nghĩa.....	26

1.2.6. Nghĩa của từ trong hoạt động.....	28
1.2.6.1. Sự hiện thực nghĩa của từ	28
1.2.6.2. Sự chuyển nghĩa của từ.....	30
1.2.7. Nhóm từ ngữ chỉ tình cảm, thái độ trong tiếng Việt.....	32
1.2.7.1. Khái niệm.....	32
1.2.7.2. Đặc điểm	33
a. Đặc điểm ngữ pháp.....	33
b. Đặc điểm ngữ nghĩa	35
1.3. Tiểu kết..	38
Chương 2. TRƯỜNG TỪ VỰC CHỈ TÌNH CẢM, THÁI ĐỘ TRONG “THỜI XA VẮNG”.....	40
2.1. Khái quát về từ ngữ chỉ tình cảm, thái độ trong “ <i>Thời xa vắng</i> ”...40	
2.1.1. Phân loại theo từ loại.....	40
2.1.1.1. Danh từ - ngữ danh từ.....	41
2.1.1.2. Động từ - ngữ động từ.....	42
2.1.1.3. Tính từ - ngữ tính từ.....	44
2.1.2. Phân loại theo ngữ nghĩa.....	47
2.1.2.1. Từ ngữ chỉ tình cảm, thái độ tích cực.....	48
2.1.2.2. Từ ngữ chỉ tình cảm, thái độ tiêu cực.....	50
2.1.2.3. Từ ngữ chỉ tình cảm, thái độ không đánh giá được theo tiêu chí [\pm tích cực].....	53
2.1.3. Phân loại theo phong cách sử dụng.....	57
2.2. Các nét nghĩa tiêu biểu và điển hình của từ ngữ chỉ tình cảm, thái độ trong “ <i>Thời xa vắng</i> ”.....	60
2.2.1. Nét nghĩa trung tâm.....	60
2.2.2. Nét nghĩa phụ.....	61
2.2.3. Ẩn dụ hóa.....	63
2.2.4. Hiện tượng chuyển nghĩa.....	66

2.2.4.1. Các kiểu chuyển nghĩa	67
a. Kiểu chuyển nghĩa phổ biến.....	67
b. Kiểu chuyển nghĩa cá nhân	73
2.2.4.2. Các phương thức chuyển nghĩa.....	79
2.3. Từ ngữ chỉ tình cảm, thái độ trong “ <i>Thời xa vắng</i> ”:	
những sáng tạo riêng của Lê Lựu.....	82
2.3.1. Từ mới.....	82
2.3.2. Nghĩa mới.....	84
2.4. Tiểu kết..	87
Chương 3. HOẠT ĐỘNG CỦA TỪ NGỮ CHỈ	
TÌNH CẢM, THÁI ĐỘ TRONG “<i>THỜI XA VẮNG</i>”	90
3.1. Giá trị của ngôn từ trong khắc họa tính cách nhân vật và hoàn cảnh xuất hiện của nhân vật.....	90
3.2. Những biểu hiện của việc sử dụng ngôn từ của Lê Lựu trong khắc họa tính cách nhân vật	92
3.2.1. Mật độ từ ngữ trong diễn tiến cốt truyện.....	92
3.2.2. Từ ngữ xuất hiện nổi trội.....	94
3.2.3. Sự xuất hiện nổi trội của các nét nghĩa có trong từ ngữ chỉ tình cảm, thái độ ở “ <i>Thời xa vắng</i> ”.....	102
3.2.4. Sự phân bố của từ ngữ chỉ tình cảm, thái độ ở nhân vật Sài.....	106
3.2.5. Đặc điểm phong cách ngôn ngữ Lê Lựu, xét từ góc độ sử dụng từ ngữ chỉ tình cảm, thái độ.....	117
3.3. Tiểu kết	122
KẾT LUẬN.....	124
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Từ là đơn vị tồn tại hiển nhiên, sẵn có của ngôn ngữ, đơn vị trung tâm của toàn bộ cơ cấu ngôn ngữ, là chất liệu cơ bản dùng để tạo ra các thông điệp. Trong hệ thống ngôn ngữ, các đơn vị từ vựng không tách biệt rời nhau mà luôn có những mối quan hệ nhất định về hình thức và cả về ý nghĩa. Ngôn ngữ học hiện đại coi nghĩa và những mối quan hệ về nghĩa là đối tượng nghiên cứu quan trọng nhất, trong đó có nghĩa và các quan hệ về nghĩa giữa các đơn vị từ vựng. Hệ thống từ vựng được chia thành các trường nghĩa (trường từ vựng - ngữ nghĩa), xác lập nghiên cứu các trường từ vựng ngữ nghĩa đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu nghĩa của các đơn vị ngôn ngữ nói chung và nghĩa của từ nói riêng, đồng thời cũng giúp ích rất nhiều trong việc lựa chọn, kết hợp từ để tạo lời, phục vụ mục đích giao tiếp.

Trong hệ thống từ vựng tiếng Việt, từ chỉ tình cảm, thái độ có số lượng khá lớn: Theo thống kê của Nguyễn Ngọc Trâm, trong *Từ điển tiếng Việt*, Hoàng Phê chủ biên (2008 - Nxb Đà Nẵng) có 40000 mục từ thì có khoảng 4000 đơn vị từ vựng có nét nghĩa cơ bản là tâm lí - tình cảm, thái độ; chiếm hơn 10%. Không chỉ chiếm số lượng lớn, từ chỉ tình cảm, thái độ còn thuộc lớp từ vựng cơ bản, nó biểu thị những hoạt động cơ bản của con người, đó là hoạt động tâm lí - tình cảm. Ở đâu có con người, ở đó có phản ứng tâm lí - tình cảm, có quan hệ tình cảm. Do đó các từ chỉ tình cảm, thái độ có tần số sử dụng cao trong giao tiếp, đặc biệt là trong ngôn ngữ sinh hoạt và trong văn chương nghệ thuật. Vì vậy mà nghiên cứu về nhóm từ này là việc làm cần thiết.

Tuy là lớp từ vựng cơ bản song nghiên cứu về từ chỉ tình cảm trong tiếng Việt, cho đến nay ngoài tác giả Nguyễn Ngọc Trâm với “*Nhóm từ tâm lí - tình cảm tiếng Việt*” thì thực sự chưa có công trình nào đáng kể, nhất là những nghiên cứu về nhóm từ này trong giao tiếp.

Cùng với sự đổi thay của đất nước, văn học Việt Nam sau 1975 cũng nhanh chóng thay đổi diện mạo: từ quan niệm về nhà văn, quan niệm nghệ thuật về con người đến những thay đổi về phương diện nghệ thuật, với những tên tuổi như Nguyễn Minh Châu, Dương Thu Hương, Nguyễn Khải, Bảo Ninh...tạo nên một trào lưu mới trong văn học. Hòa chung dòng chảy đó chúng ta bắt gặp Lê Lựu - một trong những cây bút đã góp phần không nhỏ vào sự thay đổi nhanh chóng bộ mặt nền văn học Việt Nam sau 1975. Những tiểu thuyết: *“Thời xa vắng”* (1986); *Chuyện làng Cuội* (1991); *Sóng ở đáy sông* (1995) lần lượt ra đời như những bức tranh sinh động, khắc họa chân thực những tháng ngày đầu đất nước trong thời kì đổi mới. Đặc biệt sự ra đời của *“Thời xa vắng”* đã làm nên tên tuổi Lê Lựu. Nói như Đinh Quang Tôn : “Nếu trong số 600 hội viên Hội nhà văn Việt Nam; cứ 10 người chọn lấy một người tiêu biểu thì Lê Lựu là một trong tổng số 60 nhà văn ấy. Nếu về văn xuôi Việt Nam hiện đại, chọn lấy 30 tác phẩm, thì có mặt *“Thời xa vắng”* [49, tr.22]. Qua đó có thể thấy trong văn học Việt Nam hiện đại Lê Lựu và *Thời xa vắng* đã có một vị trí đáng kể. Vì vậy nghiên cứu ngôn ngữ văn chương của ông nói chung và ngôn ngữ trong *“Thời xa vắng”* nói riêng là một việc làm ý nghĩa.

Cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về sáng tác của Lê Lựu cũng như *“Thời xa vắng”*. Những nghiên cứu này chủ yếu mới chỉ dừng lại ở phương diện nội dung tư tưởng. Xét trên phương diện nghệ thuật, các ý kiến đánh giá về các sáng tác của ông còn chưa thống nhất. Nhiều người có ý cho là : *“Văn Lê Lựu không chuốt, mộc quá, còn có những câu què hoặc trúc trắc, thậm chí có câu ngữ pháp chưa chỉnh”*. Một số khác lại cho rằng : *“Tiểu thuyết *“Thời xa vắng”* được xây dựng bằng giọng văn trầm tĩnh, vừa giữ được vẻ đằm ấm chân tình, vừa khách quan, không thêm bớt, tô vẽ, đặc biệt là không cay cú. Chính giọng văn như vậy đã góp phần đáng kể vào sức thuyết phục hấp dẫn của tác phẩm”* [32, tr.123]. Khen nhiều, chê cũng không ít, tuy nhiên tất cả mới chỉ là những nhận xét mang tính khái quát xen vào ở một số

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu – Đại học Thái Nguyên <http://www.lrc-tnu.edu.vn>

bài phê bình văn học. Chưa có công trình nghiên cứu nào là thực sự đề cập đến đặc điểm ngôn ngữ văn chương Lê Lựu như một đối tượng nghiên cứu. Việc nghiên cứu các trường từ vựng - ngữ nghĩa trong các sáng tác của Lê Lựu cũng như trong tiểu thuyết “*Thời xa vắng*” lại càng không ai nhắc đến.

Vì những lẽ đó chúng tôi lựa chọn đề tài “*Bước đầu nghiên cứu trường từ vựng chỉ tình cảm, thái độ trong “Thời xa vắng”*” với hy vọng kết quả nghiên cứu sẽ giúp chúng ta nhìn nhận một cách toàn diện, đầy đủ hơn về sự phát triển của ngôn ngữ văn học, sự phong phú đa dạng và khả năng biểu đạt tinh tế, chính xác, linh hoạt của nhóm từ chỉ tình cảm, thái độ trong tiếng Việt, những thay đổi của nhóm từ này khi tham gia hoạt động giao tiếp. Đồng thời góp phần làm rõ đặc điểm phong cách Lê Lựu cũng như những đóng góp của ông xét từ góc độ sử dụng từ ngữ.

2. Lịch sử vấn đề

Lí thuyết về trường nghĩa được các nhà ngôn ngữ học Đức và Thụy sĩ đưa ra vào những năm 20 -30 của thế kỉ trước với tên tuổi của J. Trier, L. Weisgerber, Meyer. “Lí thuyết trường trong buổi đầu có tham vọng quá lớn: chia hết các từ vào các trường, vạch được ranh giới triệt để giữa các trường, không chấp nhận tình trạng một từ “đi” vào một số trường trong khi từ và nghĩa chưa được sơ bộ “xử lí” một cách thích đáng, đủ để rút ra những căn cứ nhất quán cho việc phân lập các trường. Về sau, lí thuyết này được vận dụng một cách “khiêm tốn” hơn, không phân trường toàn bộ vốn từ, mà chỉ nghiên cứu một vài trường nhỏ.” [4, tr. 162]. Đến H. Husgen, lí thuyết trường được vận dụng vào việc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ .

Ở Việt Nam, lí thuyết trường du nhập muộn hơn (những năm 70) và gắn với tên tuổi của nhà ngôn ngữ học Đỗ Hữu Châu. Với công trình *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 1981, lần đầu tiên ở Việt Nam lí thuyết về trường nghĩa đã được trình bày đầy đủ, hệ thống. Sau này, lí thuyết trường nghĩa được các nhà Việt ngữ học như: Hoàng Phê, Nguyễn Đức Tồn, Lê